 **mitsubishi
ELECTRIC**
Changes for the Better



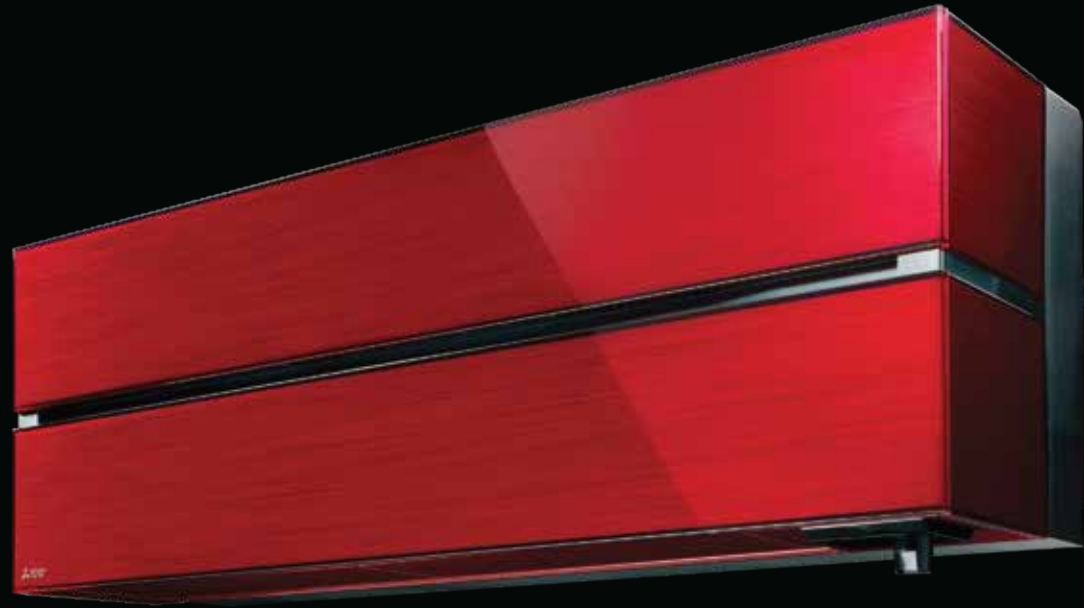
Dòng điều hòa không khí

GR

Thiết kế mới
hiện đại & sang trọng

Mitsubishi
Electric
Quality

Đẳng cấp sang trọng
Điều hòa không khí Mitsubishi Electric







CÁNH GIÓ ĐÔI

2 cánh thổi gió vận hành tách biệt,
kết hợp với mắt thần cảm biến
mang luồng hơi lạnh trải đều khắp phòng

| Cánh quạt đôi

Thổi 2 luồng gió độc lập đến từng cá nhân trong phòng



Cùng lúc thổi gió đến vị trí gần nhất và xa nhất



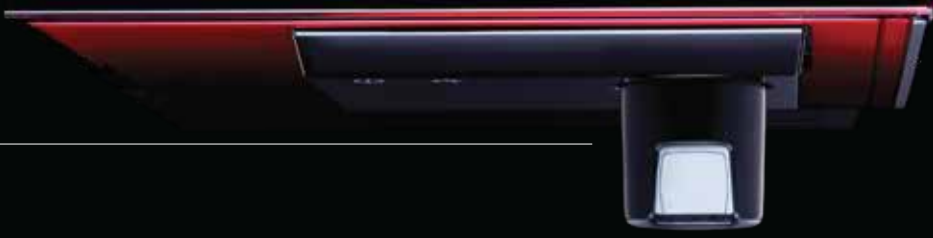
Điều hòa gió cho cả 2 tầng



| Chế độ “gió tự nhiên”

Luồng gió tự nhiên dàn trải tạo sự thoải mái suốt ngày



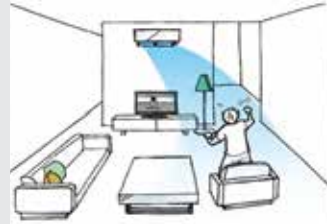


Mắt thần cảm biến “I-See”

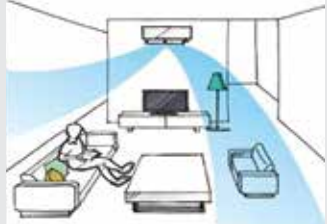
Phát ra tia hồng ngoại quét khắp phòng theo 3 chiều, giúp phân tích chính xác thân nhiệt để điều chỉnh độ lạnh và hướng gió phù hợp

Chế độ gió “Tách / Hợp”

Hợp (Direct):
gió tập trung 1 hướng

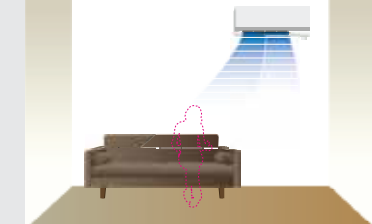
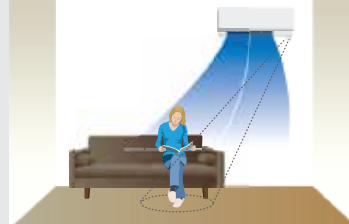


Tách (Indirect):
gió thổi xung quanh và trải đều



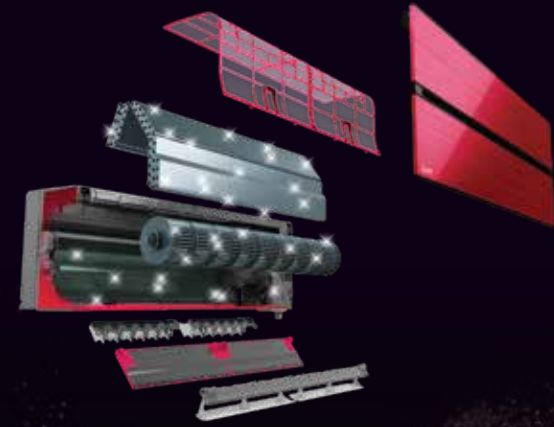
Nhận biết vắng mặt

Khi “i-See” nhận biết phòng không có người, máy sẽ tự động giảm công suất hoạt động 10% sau 10 phút và 20% sau 60 phút



LỚP PHỦ KÉP CHỐNG BẮM BẨN

Công nghệ chống bám bẩn độc quyền của Mitsubishi Electric giúp ngăn ngừa tích tụ bụi bẩn, khói thuốc và dầu mỡ.



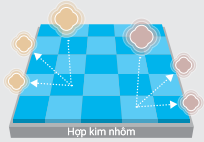
- Lớp phủ kép trên:
- Dẫn tản nhiệt
 - Quạt lồng sóc
 - Cửa thoát gió

- Khói thuốc
- Dầu mỡ

- Bụi bẩn

Công nghệ lớp phủ tiên tiến nhất

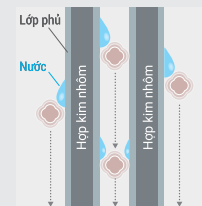
Lớp phủ kép chống bám bẩn



- Lớp phủ chống hydrophobic
- Lớp phủ chống hydrophilic

○ Bụi hydrophobic như dầu mỡ, khói thuốc.

Lớp phủ chống bám bẩn*



*Lớp phủ chống bám bẩn có trên dàn tản nhiệt một số model.
○ Bụi hydrophilic như bụi bẩn, bụi xơ thông thường.

Dàn tản nhiệt sau 10 năm sử dụng



Không lớp phủ kép Có lớp phủ kép

Quạt lồng sóc sau 10 năm sử dụng



Không lớp phủ kép Có lớp phủ kép

Cửa thoát gió sau 10 năm sử dụng

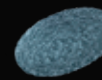


Không lớp phủ kép Có lớp phủ kép

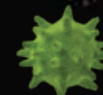
Công nghệ lớp phủ kép chống bám bẩn giúp ngăn ngừa tích tụ bụi bẩn, khói thuốc và dầu mỡ trên bề mặt, giúp thiết bị luôn sạch sẽ, tạo ra luồng gió trong lành, mát lạnh.

LƯỚI LỌC TĨNH ĐIỆN PLASMA

Bộ lọc trong thân máy phóng ra các tia tĩnh điện tạo thành một màng chắn điện trường giúp tiêu diệt vi rút, vi khuẩn, chất gây dị ứng...



Vi khuẩn



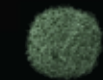
Vi rút



Chất gây dị ứng



Bụi bẩn



Ấm mốc



Bụi siêu nhỏ

Giữ cho phòng của bạn luôn thoải mái và sạch sẽ

Điều hòa Mitsubishi Electric

Lưới lọc tĩnh điện plasma & lớp phủ kép chống bám bẩn giúp tiêu diệt và ngăn ngừa tích tụ bụi bẩn trong điều hòa.



Nếu bên trong điều hòa có nhiều bụi bẩn

Bụi bẩn bám trong dàn lạnh lâu ngày tạo ra luồng hơi lạnh có mùi hôi và mang theo ẩm mốc, dẫn đến hao phí điện năng do hiệu suất hoạt động thấp.



CÔNG NGHỆ INVERTER CỦA MITSUBISHI ELECTRIC



Chỉ số CSPF của
điều hòa không khí
MSZ-LN25VF

“Hiệu suất vượt trội – Tiết kiệm hiệu quả - Vận hành cực êm”

Với công nghệ tân tiến nhất, công nghệ Inverter của Mitsubishi Electric giảm thiểu việc tiêu thụ điện năng với chỉ số hiệu suất lạnh toàn mùa (CSPF) lên đến 7.51 nhờ kiểm soát tối ưu tần suất hoạt động của máy nén, giúp điều hòa hoạt động êm ái hiệu quả, mang lại sự thoải mái cho không gian sống của bạn. “Chất lượng vượt trội cùng chi phí vận hành cực thấp” - Đó là lời cam kết của tập đoàn Mitsubishi Electric.



Vật liệu nhựa PS-HI dày cao cấp giúp triệt tiêu tiếng ồn, độ rung động cơ & linh kiện bên trong khi hoạt động.



Hộp kim loại bảo vệ bo mạch giúp vận hành an toàn và phòng chống sự cố cháy nổ do chập mạch.



Vi xử lý Inverter kết hợp điều khiển PAM



98% nguồn điện đầu vào được sử dụng hiệu quả.

Quạt dàn nóng và Mô tơ quạt DC

Quạt dàn nóng



Thiết kế mới làm tăng tối đa hiệu suất giải nhiệt cho dàn nóng với tiếng ồn thấp.

Quạt mô tơ DC



Điều khiển quạt dàn nóng hoạt động với hiệu suất cao và tiết kiệm điện so với các dòng máy sử dụng mô tơ thông thường.

Máy nén của Mitsubishi Electric

Là trái tim của điều hòa không khí. Sử dụng công nghệ độc quyền của Mitsubishi Electric, chúng tôi mang đến hiệu suất cao và ổn định nhất cho sản phẩm.

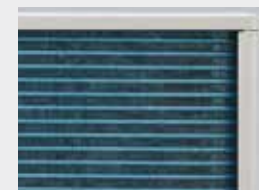
Poki – Poki Motor



Dây đồng được quấn xung quanh lõi sắt, tạo thành những khối nam châm liên kết nhau. Điều này làm giảm kích cỡ và tăng hiệu suất động cơ.



Vỏ dàn nóng



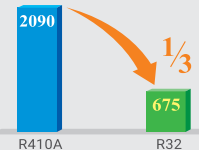
Một lớp phủ đặc biệt (Blue fin) được tráng lên hệ thống trao đổi nhiệt của dàn nóng giúp kháng lại khả năng ăn mòn của muối biển.



Lớp sơn chống gỉ kết hợp với kết cấu thép mạ kẽm của vỏ dàn nóng giúp bảo vệ các bộ phận bên trong trước điều kiện môi trường khắc nghiệt.

Gas lạnh R32 không phá hủy tầng Ô-zôn (ODP) và chỉ số làm nóng lên toàn cầu (GWP) chỉ bằng 1/3 so với Gas R410a. Tập đoàn Mitsubishi Electric không chỉ tiếp tục cải tiến công nghệ mà còn luôn quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường trong tất cả các sản phẩm của mình bằng việc sử dụng Gas R32.

So sánh chỉ số làm nóng lên toàn cầu (GWP)



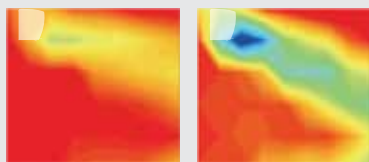
Mát lạnh siêu tốc

Làm lạnh nhanh luôn là tính năng thiết yếu nhất của máy điều hòa không khí. Tính năng "Mát lạnh siêu tốc" của MITSUBISHI ELECTRIC đem lại cho bạn những luồng gió mát lạnh ngay tức thì.



I Thay đổi nhiệt độ

[Bình thường] [Mát lạnh siêu tốc]



Nóng hơn

Lạnh hơn

Nhanh chóng làm lạnh cho căn phòng với luồng thổi mạnh tối đa ở nhiệt độ thấp nhất trong vòng 2 phút sau khi vận hành.

I Nút mát lạnh siêu tốc

Khi kích hoạt, chế độ vận hành trong 15 phút.



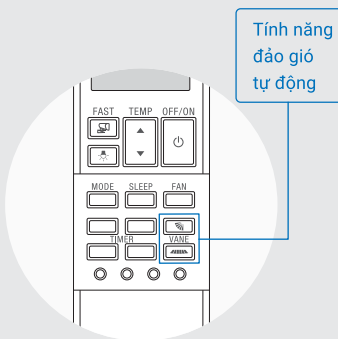
Hướng gió thổi có thể thay đổi tùy ý ngay cả khi đã kích hoạt chế độ.



Cánh đảo gió 4 chiều

Lên xuống / Trái phải

Cánh đảo gió 4 chiều tự động, có thể tùy chỉnh bằng bộ điều khiển một cách tiện lợi và thông minh



Tính năng đảo gió tự động

Trái & phải

* Có trên MSY-GR50/60/71VF

Cánh đảo gió theo chiều ngang từ trái qua phải với 6 hướng thổi – có thể thiết lập đảo tự động



Lên & xuống

Cánh đảo gió theo chiều dọc từ dưới lên với 5 hướng thổi – có thể thiết lập đảo tự động



Vận hành êm ái

Độ ồn của dàn lạnh khi vận hành chỉ có 18dB(A)
mang đến một không gian yên tĩnh cho gia đình bạn.
(Model GR25)



Công nghệ khí động học

Giúp điều hòa không khí dòng GR trở thành sản phẩm vận hành yên tĩnh nhất mà Mitsubishi Electric từng ra mắt.

Quạt lồng sóc

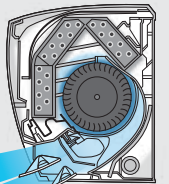


Kỹ thuật thiết kế Quạt lồng sóc đặc biệt giúp ổn định luồng không khí được hút vào và đẩy ra cùng lúc bởi lồng quạt. Mang đến những luồng thổi mạnh mẽ nhưng yên tĩnh.



Mitsubishi Electric là hãng đầu tiên trên Thế giới phát minh ra điều hòa không khí treo tường "KIRIGA-MINE" sử dụng quạt lồng sóc vào năm 1968

Thiết kế Khí động học tối ưu



Giúp tối ưu hóa sức mạnh và hướng thổi của luồng gió nhờ thiết kế cánh đảo gió kép.

Bộ điều khiển mới

Thiết kế hiện đại với màn hình hiển thị to rõ dễ nhìn, cùng các phím chức năng thường dùng được đặt ở vị trí thuận tiện.



Màn hình báo lỗi



Mã lỗi được hiển thị trên điều khiển để được chuẩn đoán nhanh chóng

*Để biết thêm chi tiết, vui lòng đọc thêm ở sách hướng dẫn sử dụng



Màn hình với đèn LED và nút bấm phát sáng

Phím điều khiển bằng dạ quang giúp dễ dàng bật tắt đèn nền LED, mọi thao tác trong đêm sẽ dễ dàng hơn bao giờ hết.



Nút bấm đơn giản & trực quan



Chiếc điều khiển “dành riêng” cho bạn

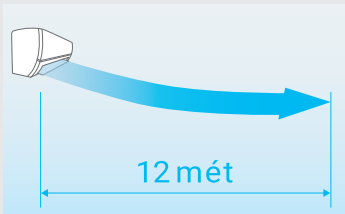


Thiết kế tiện dụng giúp chiếc điều khiển luôn nằm gọn trong bàn tay bạn.

Luồng thổi rộng & xa

Mát lạnh khắp phòng nhờ luồng thổi rộng và xa lên đến 12m

Luồng gió thổi xa lên đến 12 mét, thích hợp cho cả phòng khách.



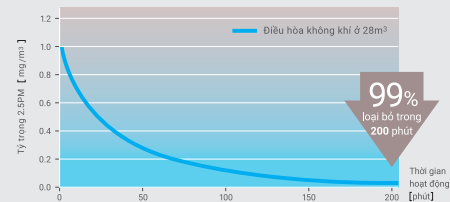
so sánh theo model

- MSY-GR25/35VF 8m
- MSY-GR50/60/71VF 12m

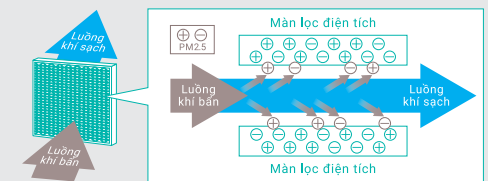
* Số liệu được ghi nhận khi hướng luồng gió ngang và tốc độ quạt S-HI

I Bộ lọc vi bụi (tùy chọn)

Loại bỏ hiệu quả hạt vi bụi chỉ 2.5PM



Hiệu quả loại bỏ vi bụi 2.5PM



Loại bỏ hiệu quả hạt vi bụi chỉ 2.5PM để cung cấp luồng khí sạch

Chế độ Giấc ngủ



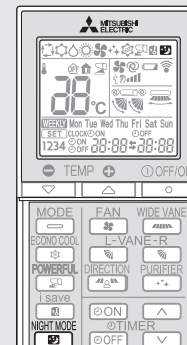
Chế độ Giấc ngủ

Sleep

Nhiệt độ cài đặt sẽ thay đổi theo thời gian.

Nhiệt độ cài đặt sẽ được kiểm soát thấp hơn một chút trong khoảng 2 giờ giúp bạn dễ đi vào giấc ngủ hơn.

Có trên model MSY-GR, MSY-JW, MSZ-HT.



Chế độ Ban đêm

Night

Đèn báo vận hành chỉ hoạt động mờ.

Tiếng bíp sẽ bị tắt.

Mức độ ồn của thiết bị điều hòa ngoài phòng sẽ thấp hơn mức tiếng ồn nêu trong phần Thông số kỹ thuật.

Có trên model MSZ-LN.

MSZ-LN25VFR



MSZ-LN25VFB



DÒNG INVERTER HAI CHIỀU - SIÊU SANG TRỌNG

- | SIÊU TIẾT KIỆM ĐIỆN
- | LỚP PHỦ KÉP CHỐNG BẮM BẨN
- | MẮT THẦN CẢM BIẾN
- | THIẾT KẾ CÁNH GIÓ ĐÔI



[MUZ-LN25VF]

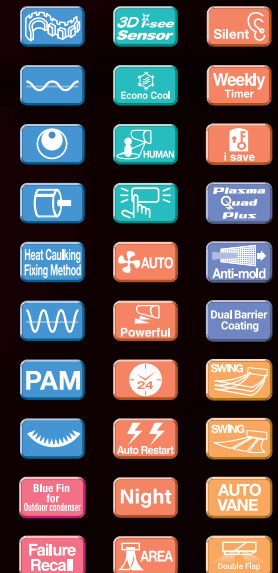
★★★★★
TEM NĂNG LƯỢNG
Nhiều sao hơn - Tiết kiệm hơn

CÔNG SUẤT: **2.6 kW (8,871 BTU/h)**
HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (CSPF): **7.51**

MUZ-LN25VF

Tên model	Dàn lạnh		MSZ-LN25VF	
	Dàn nóng		MUZ-LN25VF	
Chức năng		Làm lạnh	Sưởi ấm	
Công suất Danh định (Thấp - Cao)	kW	2.6 (1.0 - 3.5)	3.2 (0.8 - 4.2)	
	Btu / h	8,871 (3,412 - 11,942)	10,918 (2,730 - 14,330)	
Tiêu thụ điện	kW	0.53	0.64	
Hiệu suất năng lượng (CSPF)	TCVN 7830 : 2015	★★★★★★		
			7.51	
Môi chất lạnh		R32		
Dòng điện vận hành	A	2.8	3.2	
Lưu lượng gió (Cao nhất)	m ³ /min	11.9	13.7	
Kích thước (Đài x Rộng x Sâu)	Dàn lạnh	mm	890 x 307 x 233	
	Dàn nóng	mm	800 x 500 x 258	
Trọng lượng	Dàn lạnh	kg	15.5	
	Dàn nóng	kg	35.5	
Độ ồn	Dàn lạnh (Thấp nhất - Cao nhất)	dB(A)	19 - 42	19 - 45
	Dàn nóng (Cao nhất)	dB(A)	46	49
Khả năng hút ẩm	l/h		0.2	
Kích cỡ ống (Đường kính ngoài)	Gas	mm	9.52	
	Chất lỏng	mm	6.35	
Nguồn cấp điện			Dàn nóng	
Độ dài đường ống tối đa	m		20	
Chênh lệch độ cao tối đa	m		12	

TÍNH NĂNG NỔI TRỘI



MSZ-HT25/35/50VF



[MUZ-HT25VF]



[MUZ-HT35VF]



[MUZ-HT50VF]

NEW

DÒNG INVERTER HAI CHIỀU – SANG TRỌNG

TIẾT KIỆM ĐIỆN |

LỚP PHỦ KÉP CHỐNG BẨM BẮN |

VẬN HÀNH CỰC ÊM |

★★★★★
TEM NĂNG LƯỢNG
Nhiều sao hơn - Tiết kiệm hơn

5

CÔNG SUẤT: **2.5 kW (8,530 BTU/h)**
HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (CSPF): **4.9**

MSZ-HT25VF

★★★★★
TEM NĂNG LƯỢNG
Nhiều sao hơn - Tiết kiệm hơn

5

CÔNG SUẤT: **3.3 kW (11,260 BTU/h)**
HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (CSPF): **5.2**

MSZ-HT35VF

★★★★★
TEM NĂNG LƯỢNG
Nhiều sao hơn - Tiết kiệm hơn

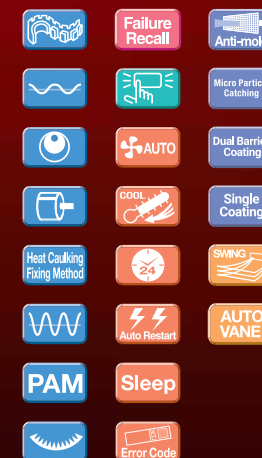
5

CÔNG SUẤT: **5.0 kW (17,060 BTU/h)**
HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (CSPF): **5.3**

MSZ-HT50VF

Tên model	Dàn lạnh		MSZ-HT25VF MUZ-HT25VF		MSZ-HT35VF MUZ-HT35VF		MSZ-HT50VF MUZ-HT50VF	
	Dàn nóng		Làm lạnh	Sưởi ấm	Làm lạnh	Sưởi ấm	Làm lạnh	Sưởi ấm
Chức năng								
Công suất Danh định <i>(Thấp - Cao)</i>	kW		2.5 (0.9-3)	3.15 (0.7-3.5)	3.3 (0.9-3.5)	3.6 (0.9-4.1)	5.0 (1.3-5.0)	5.4 (1.4-6.5)
	Btu / h		8,530 (3,071-10,286)	10,745 (2,388-11,942)	11,260 (3,071-11,942)	12,283 (3,071-13,989)	17,060 (4,436-17,060)	18,425 (4,777-22,178)
Tiêu thụ điện	kW		0.8	0.87	1.17	0.995	2.05	1.48
Hiệu suất năng lượng (CSPF)	TCVN 7830 : 2015		★★★★★★		★★★★★★		★★★★★★	
			4.9		5.2		5.3	
Môi chất lạnh			R32		R32		R32	
Dòng điện vận hành	A		3.7	4.1	5.4	4.8	9.0	6.5
Lưu lượng gió <i>(Cao nhất)</i>	m ³ /min		9.9	10.3	12.6	12.6	12.3	12.3
Kích thước <i>(Đài x Rộng x Sâu)</i>	Dàn lạnh	mm	799 x 290 x 232		799 x 290 x 232		799 x 290 x 232	
	Dàn nóng	mm	699 x 538 x 249		699 x 538 x 249		800 x 550 x 285	
Trọng lượng	Dàn lạnh	kg	9		9		10	
	Dàn nóng	kg	23		24		35	
Độ ồn <i>(Thấp - Cao)</i>	Dàn lạnh <i>(Thấp nhất - Cao nhất)</i>	dB(A)	22 - 43	22 - 43	22 - 45	22 - 45	28 - 46	28 - 46
	Dàn nóng <i>(Cao nhất)</i>	dB(A)	50	50	50	50	51	51
Khả năng hút ẩm	ℓ/h		0.5		1.1		2.2	
Kích cỡ ống <i>(Đường kính ngoài)</i>	Gas	mm	9.52		9.52		12.7	
	Chất lỏng	mm	6.35		6.35		6.35	
Nguồn cấp điện			Dàn nóng		Dàn nóng		Dàn nóng	
Độ dài đường ống tối đa	m		20		20		20	
Chênh lệch độ cao tối đa	m		12		12		12	

TÍNH NĂNG NỔI TRỘI



MSY-GR25/35VF



MSY-GR50/60/71VF



[MUY-GR25/35VF]



[MUY-GR50/60VF]



[MUY-GR71VF]

DÒNG INVERTER MỘT CHIỀU - SIÊU SANG TRỌNG

- TIẾT KIỆM ĐIỆN
- LỚP PHỦ KÉP CHỐNG BẨM BẮN
- VẬN HÀNH CỰC ÊM

★★★★★
TEM NĂNG LƯỢNG

Nhiều sao hơn - Tiết kiệm hơn

CÔNG SUẤT: **2.8 kW (9,554 BTU/h)**
HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (CSPF): **6.38**

MSY-GR25VF

★★★★★
TEM NĂNG LƯỢNG

Nhiều sao hơn - Tiết kiệm hơn

CÔNG SUẤT: **3.7 kW (12,624 BTU/h)**
HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (CSPF): **5.69**

MSY-GR35VF

★★★★★
TEM NĂNG LƯỢNG

Nhiều sao hơn - Tiết kiệm hơn

CÔNG SUẤT: **5.2 kW (17,742 BTU/h)**
HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (CSPF): **5.61**

MSY-GR50VF

★★★★★
TEM NĂNG LƯỢNG

Nhiều sao hơn - Tiết kiệm hơn

CÔNG SUẤT: **6.0 kW (20,472 BTU/h)**
HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (CSPF): **5.60**

MSY-GR60VF

★★★★★
TEM NĂNG LƯỢNG

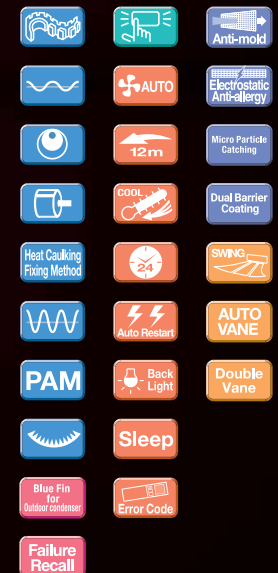
Nhiều sao hơn - Tiết kiệm hơn

CÔNG SUẤT: **7.1 kW (24,225 BTU/h)**
HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (CSPF): **5.10**

MSY-GR71VF

Tên model	Dàn lạnh Dàn nóng	MSY-GR25VF MUY-GR25VF	MSY-GR35VF MUY-GR35VF	MSY-GR50VF MUY-GR50VF	MSY-GR60VF MUY-GR60VF	MSY-GR71VF MUY-GR71VF	
Chức năng		Làm lạnh	Làm lạnh	Làm lạnh	Làm lạnh	Làm lạnh	
Công suất Danh định (Thấp - Cao)	kW	2.8 (1.1-3.4)	3.7 (1.4-4.1)	5.2 (1.8-6.0)	6.0 (1.8-6.7)	7.1 (1.8-7.8)	
	Btu / h	9,554(3,753-11601)	12,624(4,777-13,989)	17,742(6,142-20,472)	20,472(6,142-22,860)	24,225(6,142-26,614)	
Tiêu thụ điện	kW	0.76 (0.23-1.07)	1.08 (0.32-1.37)	1.40 (0.34-1.84)	1.79 (0.34-2.16)	1.99 (0.33-2.61)	
Hiệu suất năng lượng (CSPF)	TCVN 7830 : 2015	★★★★★★	★★★★★★	★★★★★★	★★★★★★	★★★★★★	
		6.38	5.69	5.61	5.60	5.10	
Môi chất lạnh		R32	R32	R32	R32	R32	
Dòng điện vận hành	A	3.8	5.2	6.4	8.2	9.2	
Lưu lượng gió (Cao nhất)	m ³ /min	11.4	12.0	20.1	20.7	20.7	
Kích thước (Dài x Rộng x Sâu)	Dàn lạnh	mm	838x280x229	838x280x229	1,100x325x257	1,100x325x257	1,100x325x257
	Dàn nóng	mm	699x538x249	699x538x249	800x550x285	800x550x285	800x714x285
Trọng lượng	Dàn lạnh	kg	10	10	17	17	17
	Dàn nóng	kg	21.5	25	31.5	35	38
Độ ồn	Dàn lạnh (Thấp nhất - Cao nhất)	dB(A)	18-24-31-38-42	19-24-31-38-43	27-33-38-44-49	27-36-41-45-51	28-36-41-45-53
	Dàn nóng (Cao nhất)	dB(A)	47	49	52	55	57
Khả năng hút ẩm	l/h	0.7	1.4	1.1	1.6	2.3	
Kích cỡ ống (Đường kính ngoài)	Gas	mm	9.52	9.52	12.7	12.7	12.7
	Chất lỏng	mm	6.35	6.35	6.35	6.35	6.35
Nguồn cấp điện	Dàn nóng	Dàn nóng	Dàn nóng	Dàn nóng	Dàn nóng	Dàn nóng	
Độ dài đường ống tối đa	m	20	20	20	20	30	
Chênh lệch độ cao tối đa	m	12	12	12	12	15	

TÍNH NĂNG NỔI TRỘI



MSY-JW25/35/50VF



[MUY-JW25VF]

[MUY-JW35VF]

[MUY-JW50VF]

MSY-JW60VF



[MUY-JW60VF]

NEW

DÒNG INVERTER MỘT CHIỀU - SANG TRỌNG

TIẾT KIỆM ĐIỆN |

LỚP PHỦ KÉP CHỐNG BẨM BÀN |

VẬN HÀNH CỰC ÊM |

★★★★★
TEM NĂNG LƯỢNG

Nhiều sao hơn - Tiết kiệm hơn

CÔNG SUẤT: **2.6 kW (8,871 BTU/h)**
HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (CSPF): **5.29**

MSY-JW25VF

★★★★★
TEM NĂNG LƯỢNG

Nhiều sao hơn - Tiết kiệm hơn

CÔNG SUẤT: **3.6 kW (12,283 BTU/h)**
HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (CSPF): **5.49**

MSY-JW35VF

★★★★★
TEM NĂNG LƯỢNG

Nhiều sao hơn - Tiết kiệm hơn

CÔNG SUẤT: **5.2 kW (17,742 BTU/h)**
HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (CSPF): **5.09**

MSY-JW50VF

★★★★★
TEM NĂNG LƯỢNG

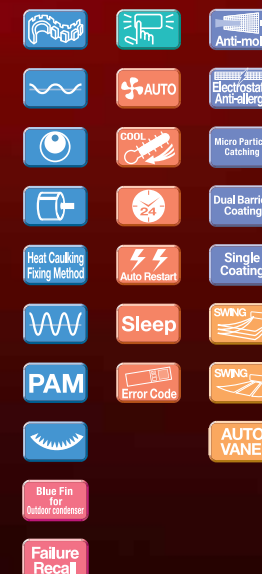
Nhiều sao hơn - Tiết kiệm hơn

CÔNG SUẤT: **6.6 kW (22,519 BTU/h)**
HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (CSPF): **5.28**

MSY-JW60VF

Tên model	Dàn lạnh		MSY-JW25VF	MSY-JW35VF	MSY-JW50VF	MSY-JW60VF
	Dàn nóng		MUY-JW25VF	MUY-JW35VF	MUY-JW50VF	MUY-JW60VF
Chức năng			Làm lạnh	Làm lạnh	Làm lạnh	Làm lạnh
Công suất Danh định (Thấp - Cao)	kW		2.6 (0.8 - 2.7)	3.6 (0.9 - 3.7)	5.2 (1.3 - 5.3)	6.6 (1.6 - 6.7)
	Btu / h		8,871 (2,730 - 9,212)	12,283 (3,071-12,624)	17,742 (4,436-18,084)	22,519 (5,459-22,860)
Tiêu thụ điện	kW		0.99	1.33	1.94	2.1
Hiệu suất năng lượng (CSPF)	TCVN 7830 : 2015		★★★★★★	★★★★★★	★★★★★★	★★★★★★
			5.29	5.49	5.09	5.28
Môi chất lạnh			R32	R32	R32	R32
Dòng điện vận hành	A		5	6.4	8.9	9.7
Lưu lượng gió (Cao nhất)	m ³ /min		12.5	12.3	15.3	18.7
Kích thước (Dài x Rộng x Sâu)	Dàn lạnh	mm	838 x 280 x 228	838 x 280 x 228	838 x 280 x 228	923 x 305 x 262
	Dàn nóng	mm	660 x 454 x 235	699 x 538 x 249	800 x 550 x 285	800 x 714 x 285
Trọng lượng	Dàn lạnh	kg	8	8.5	9	12.5
	Dàn nóng	kg	18	21	31.5	37
Độ ồn (Thấp - Cao)	Dàn lạnh (Thấp nhất - Cao nhất)	dB(A)	21 - 43	22 - 43	28 - 49	29 - 51
	Dàn nóng (Cao nhất)	dB(A)	50	51	52	55
Khả năng hút ẩm	l/h		0.5	1.2	2.0	2.0
Kích cỡ ống (Đường kính ngoài)	Gas	mm	9.52	9.52	12.7	12.7
	Chất lỏng	mm	6.35	6.35	6.35	6.35
Nguồn cấp điện			Dàn nóng	Dàn nóng	Dàn nóng	Dàn nóng
Độ dài đường ống tối đa	m		20	20	20	30
Chênh lệch độ cao tối đa	m		12	12	12	15

TÍNH NĂNG NỔI TRỘI



MS-JS25/35VF



MS-JS50VF



MS-JS60VF



DÒNG TIÊU CHUẨN MỘT CHIỀU - SANG TRỌNG

- HIỆU SUẤT VẬN HÀNH CAO
- ĐẸ DÀNG VỆ SINH
- VẬN HÀNH CỰC ÊM
- LỚP PHỦ KÉP CHỐNG BĂM BẮN



[MU-JS25/35VF]



[MU-JS50VF]



[MU-JS60VF]

★★★
TEM NĂNG LƯỢNG



Nhiều sao hơn - Tiết kiệm hơn

CÔNG SUẤT: 2.7 kW (9,212 BTU/h)
HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (CSPF): 3.72

MS-JS25VF

★★★
TEM NĂNG LƯỢNG



Nhiều sao hơn - Tiết kiệm hơn

CÔNG SUẤT: 3.6 kW (12,283 BTU/h)
HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (CSPF): 3.71

MS-JS35VF

★★★
TEM NĂNG LƯỢNG



Nhiều sao hơn - Tiết kiệm hơn

CÔNG SUẤT: 5.2 kW (17,742 BTU/h)
HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (CSPF): 3.45

MS-JS50VF

★★★
TEM NĂNG LƯỢNG



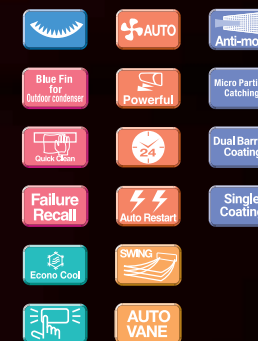
Nhiều sao hơn - Tiết kiệm hơn

CÔNG SUẤT: 6.4 kW (21,837 BTU/h)
HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (CSPF): 3.52

MS-JS60VF

Tên model	Dàn lạnh		MS-JS25VF	MS-JS35VF	MS-JS50VF	MS-JS60VF
	Dàn nóng		MU-JS25VF	MU-JS35VF	MU-JS50VF	MU-JS60VF
Chức năng			Làm lạnh	Làm lạnh	Làm lạnh	Làm lạnh
Công suất Danh định (Thấp - Cao)	kW		2.7	3.6	5.2	6.4
	Btu / h		9,212	12,283	17,742	21,837
Tiêu thụ điện	kW		0.77	1.03	1.6	1.93
Hiệu suất năng lượng (CSPF)	TCVN 7830 : 2015		★★★★	★★★★	★★★★	★★★★
			3.72	3.71	3.45	3.52
Môi chất lạnh			R32	R32	R32	R32
Dòng điện vận hành	A		3.5	4.8	7.5	9.0
Lưu lượng gió (Cao nhất)	m³/min		11.3	15.4	18.8	21.3
Kích thước (Dài x Rộng x Sâu)	Dàn lạnh	mm	799 x 290 x 232	799 x 290 x 232	923 x 305 x 250	1100 x 325 x 238
	Dàn nóng	mm	718 x 525 x 255	718 x 525 x 255	800 x 550 x 285	840 x 880 x 330
Trọng lượng	Dàn lạnh	kg	9	9.5	13	16
	Dàn nóng	kg	24.5	31.5	34	50.5
Độ ồn	Dàn lạnh (Thấp nhất - Cao nhất)	dB(A)	25 - 44	28 - 48	34 - 49	37 - 50
	Dàn nóng (Cao nhất)	dB(A)	47	50	51	54
Khả năng hút ẩm	l/h		0.5	0.6	1.2	1.2
Kích cỡ ống	Gas	mm	9.52	12.7	12.7	15.88
	Chất lỏng	mm	6.35	6.35	6.35	6.35
Nguồn cấp điện	Dàn lạnh		Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh
Độ dài đường ống tối đa	m		20	20	30	30
Chênh lệch độ cao tối đa	m		10	10	10	10

TÍNH NĂNG NỔI TRỘI



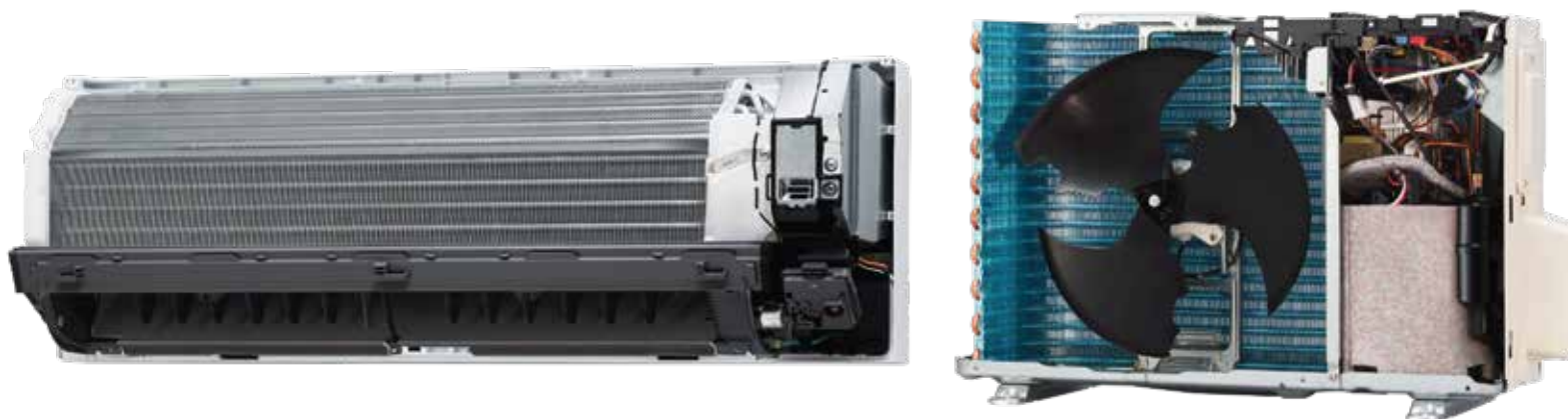
TỔNG HỢP TÍNH NĂNG TRÊN CÁC DÒNG SẢN PHẨM

Phân loại	Tính năng nổi trội	Logo tính năng	MSZ/ MUZ-LN	MSY/ MUY-GR	MSY/ MUY-JW	MSZ/ MUZ-HT	MSZ/ MUZ-JS
Công nghệ	Mô-tơ Joint Lap DC		•	•	•	•	
	Ổ đĩa sóng hình sin từ thông		•	•	•	•	
	Máy nén xoay DC		•	•	•	•	
	Động cơ quạt DC		•	•	•	•	
	Phương pháp cố định hàn nhiệt		•	•	•	•	
	Biến tần Eco sóng vector		•	•	•	•	
	Công nghệ kiểm soát PAM		•	•	•	•	
	Đường ống có rãnh		•	•	•	•	•
Bảo trì	Lớp phủ kháng sự ăn mòn muối biển		•	•	•		•
	Dễ dàng vệ sinh						•
Tiết kiệm năng lượng	Chức năng gọi lại chế độ lỗi		•	•	•	•	•
	Mắt thần cảm biến I-see		•				
	Tiết kiệm điện thông minh		•				•
Tiện nghi	Nhận biết vắng mặt		•				
	Chức năng kiểm soát "I-Feel"			•	•	•	•
	Chế độ quạt gió tự động		•	•	•	•	•
	Luồng gió thổi xa và rộng			GR50/60/71			
	Chế độ làm lạnh tăng cường		•				•
	Chế độ làm lạnh nhanh			•	•	•	
	Hẹn giờ bật tắt 24h		•	•	•	•	•
	Chức năng tự khởi động		•	•	•	•	•
	Đèn nền LED với nút dạ quang			•			
	Chế độ giấc ngủ			•	•	•	
	Chế độ ban đêm		•				
	Hiển thị lỗi trên Remote			•		•	
	Giám sát nhiệt độ khu vực		•				
	Vận hành tĩnh lặng			19dB	18dB		
	Vận hành Weekly Timer		•				
Vận hành I-Save		•					
Chất lượng không khí	Bộ lọc tĩnh điện Plasma		•				
	Bộ lọc chống nấm mốc		•	•	•	•	•
	Bộ lọc Enzyme chống dị ứng tĩnh điện (Tùy chọn)				Tùy chọn	Tùy chọn	Tùy chọn
	Bộ lọc vi bụi (Tùy chọn)				Tùy chọn	Tùy chọn	Tùy chọn
	Lớp phủ kép chống bám bẩn		•	•	• (Fan)	•	• (Fan)
Luồng gió	Điều chỉnh hướng gió ngang		•	•	•	•	•
	Điều chỉnh hướng gió dọc		•	GR50/60/71	JW60		
	Điều chỉnh hướng gió tự động (lên xuống)		•	•	•	•	•
	Bộ đôi cánh quạt tạo hướng gió ngang			•			
	Bộ đôi cánh quạt riêng biệt		•				

* Bộ lọc Enzyme chống dị ứng tĩnh điện được trang bị sẵn trên model JW60.

Mitsubishi MEQlectric Quality

MEQ (Mitsubishi Electric Quality) là biểu tượng của sự thay đổi không ngừng để nâng cao chất lượng, sự tinh xảo trong từng chi tiết, sự tận tâm trong việc phát triển & sản xuất những thiết bị điện gia dụng thân thiện với môi trường, những sản phẩm công nghiệp đáng kinh ngạc, hệ thống cơ sở hạ tầng công cộng chắc chắn và những công nghệ không gian truyền cảm hứng. Vì thế, khi thấy biểu tượng MEQ, bạn biết rằng một sản phẩm chất lượng đã được tạo ra.



PHÁT TRIỂN

Lường trước việc sử dụng sản phẩm toàn thế giới, tại Mitsubishi Electric kiểm soát chất lượng nghiêm khắc



THIẾT KẾ

trong những điều kiện khắc nghiệt trên chúng tôi đã thiết lập những quy trình trên từng sản phẩm.

Để đảm bảo việc sử dụng sản phẩm trong một thời gian dài, Mitsubishi Electric đã lựa chọn những nguyên liệu bền bỉ chất lượng cao, và đầu tư kỹ lưỡng vào việc thiết kế và lắp ráp sản phẩm.



Hộp kim loại bảo vệ bo mạch giúp vận hành an toàn và phòng chống sự cố cháy nổ do chập mạch.



Lớp phủ đặc biệt trên bo mạch phòng chống những hư hại do độ ẩm hay côn trùng.

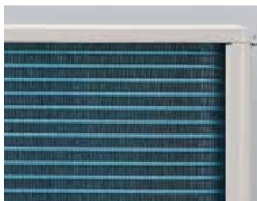


450V

Bảng mạch điện của Mitsubishi Electric có thể chịu được điện áp cao đến 450V



Công nghệ Inverter của Mitsubishi Electric có thể hoạt động êm ái trong dải điện áp từ 198V ~ 264V.



Một lớp phủ đặc biệt (Blue fin) được tráng lên hệ thống trao đổi nhiệt của dàn nóng giúp kháng lại khả năng ăn mòn của muối biển.



Lớp sơn chống gỉ kết hợp với kết cấu thép mạ kẽm của dàn nóng giúp bảo vệ các bộ phận bên trong trước điều kiện môi trường khắc nghiệt.

SẢN XUẤT

Mitsubishi Electric áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến để tạo ra những sản phẩm chất lượng cao một cách hiệu quả. Đồng thời trên từng khâu sản xuất, tất cả những sản phẩm đều được kiểm tra bởi những chuyên gia nhiều kinh nghiệm.





CÔNG TY TNHH MITSUBISHI ELECTRIC VIỆT NAM

Trụ sở chính: Tầng 11 - 12, Tòa nhà Viettel, 285 Cách Mạng Tháng 8, Phường 12, Quận 10, TP.HCM

CN Hà Nội: Tầng 14 - Capital Tower, 109 đường Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

CN Đà Nẵng: Tầng 11, Tòa nhà Thành Lợi, 249 đường Nguyễn Văn Linh, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng



www.mitsubishi-electric.vn



www.facebook.com/mitsubishielectricvietnam



1800 58 58 33 (Miễn phí cuộc gọi đến)